PHÂN TÍCH LỖI SAI CỦA NGƯỜI VIỆT NAM HỌC TIẾNG NHẬT KHI SỬ DỤNG CẤU TRÚC CHỈ MỤC ĐÍCH「ように」VÀ「ために」

Hoàng Phương Nam
Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Hạ Long

***Tóm tắt**: Trong tiếng Nhật,「ように」và「ために」là hai cấu trúc ngữ pháp thường được sử dụng để biểu thị mục đích. Mặc dù đều có thể được dịch sang tiếng Việt là "để", hai cấu trúc này khác nhau về điều kiện sử dụng, đặc biệt ở tính ý chí của động từ, khả năng kiểm soát hành động và mối quan hệ giữa chủ ngữ của mệnh đề chính với mệnh đề phụ. Do chịu ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ và cách diễn giải trong một số giáo trình, người học Việt Nam thường gặp khó khăn trong việc phân biệt và sử dụng chính xác hai cấu trúc này. Kết quả nghiên cứu trên cho thấy người học thường mắc bốn nhóm lỗi chính: (1) chưa phân biệt được động từ ý chí và động từ vô ý chí hoặc động từ chỉ khả năng; (2) chưa chú ý đến mối quan hệ chủ ngữ giữa hai mệnh đề; (3) chưa nhận thức đúng về khả năng kiểm soát của chủ thể đối với mục tiêu được biểu đạt; và (4) chịu ảnh hưởng của hiện tượng chuyển di từ tiếng Việt khi quy đồng cả hai cấu trúc với từ "để". Trên cơ sở kết quả phân tích, nghiên cứu đề xuất một số định hướng giảng dạy như tăng cường đối chiếu tiếng Việt – tiếng Nhật, xây dựng sơ đồ lựa chọn cấu trúc dựa trên tính ý chí của động từ và quan hệ chủ ngữ, đồng thời tăng cường các dạng bài tập phát hiện và sửa lỗi trong bối cảnh giao tiếp. Những đề xuất này góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy ngữ pháp tiếng Nhật đối với người học Việt Nam.*

***Từ khóa:** lỗi sai ngữ pháp; tiếng Nhật; biểu thị mục đích;「ように」;「ために」; tính ý chí của động từ; chủ ngữ; khả năng kiểm soát; chuyển di tiếng mẹ đẻ; đối chiếu Việt – Nhật.*

AN ERROR ANALYSIS OF VIETNAMESE LEARNERS' USE OF THE JAPANESE PURPOSE EXPRESSIONS「ように」AND「ために」

***Abstract:** In Japanese,「ように」and「ために」are two grammatical structures commonly used to express purpose. Although both can be translated into Vietnamese as "để" ("in order to"), they differ significantly in their conditions of use, particularly in terms of verb volitionality, the controllability of the intended action or outcome, and the subject relationship between the main and subordinate clauses. Influenced by their native language as well as the explanations provided in some Japanese language textbooks, Vietnamese learners often experience difficulties in distinguishing between and accurately using these two structures. The findings of this study reveal that Vietnamese learners commonly make four major types of errors: (1) failing to distinguish between volitional verbs and non-volitional or potential verbs; (2) failing to recognize the subject relationship between the main and subordinate clauses; (3) failing to correctly understand the controllability of the intended outcome; and (4) negative transfer from Vietnamese, resulting from treating both structures as equivalent to the Vietnamese word "để". Based on these findings, the study proposes several pedagogical implications, including strengthening contrastive instruction between Vietnamese and Japanese, introducing a decision-making framework for selecting the appropriate structure based on verb volitionality and subject relationship, and incorporating error identification and correction activities into communicative language teaching. These pedagogical recommendations are expected to enhance the effectiveness of Japanese grammar instruction for Vietnamese learners.*

***Keywords:** grammatical errors; Japanese language; purpose expressions;「ように」;「ために」; verb volitionality; subject relationship; controllability; first language transfer; Vietnamese–Japanese contrastive analysis.*

Nhận bài: 11/05/2026 Phản biện: 11/06/2026 Duyệt đăng: 14/06/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong quá trình học tiếng Nhật, việc sử dụng chính xác các biểu thức ngữ pháp có ý nghĩa quan trọng đối với năng lực giao tiếp và diễn đạt của người học. Trong số các biểu thức chỉ mục đích,「ように」và「ために」là hai cấu trúc xuất hiện với tần suất cao trong giáo trình từ trình độ sơ cấp đến trung cấp như Minna no Nihongo, Dekiru Nihông hay Shin Kanzen Master. Mặc dù đều có thể được dịch sang tiếng Việt là "để", hai cấu trúc này không hoàn toàn tương đương về điều kiện sử dụng. Việc lựa chọn「ように」hay「ために」phụ thuộc vào nhiều yếu tố ngữ pháp và ngữ nghĩa như tính ý chí của động từ, khả năng kiểm soát hành động, quan hệ chủ ngữ giữa mệnh đề chính và mệnh đề phụ, cũng như bản chất của mục đích được biểu đạt.

Đối với người học Việt Nam, sự khác biệt này thường gây nhiều khó khăn trong quá trình tiếp thu và sử dụng. Trong tiếng Việt, từ "để" được sử dụng khá rộng để biểu thị mục đích mà không đòi hỏi người nói phải phân biệt động từ ý chí hay vô ý chí, cũng như không chịu sự chi phối chặt chẽ của quan hệ chủ ngữ giữa các mệnh đề. Chính vì vậy, khi chuyển từ tiếng Việt sang tiếng Nhật, nhiều người học có xu hướng đồng nhất「ように」và「ために」như hai hình thức tương đương của từ "để", dẫn đến hiện tượng sử dụng thay thế cho nhau trong nhiều ngữ cảnh. Bên cạnh ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ, một số giáo trình và tài liệu giảng dạy tiếng Nhật hiện nay cũng chủ yếu dịch cả hai cấu trúc bằng cùng một từ tương đương trong

tiếng Việt mà chưa nhấn mạnh đầy đủ sự khác biệt về điều kiện sử dụng.

Trên cơ sở phân tích các lỗi thu được, nghiên cứu tập trung làm rõ nguyên nhân của từng dạng lỗi, đặc biệt là ảnh hưởng của hiện tượng chuyển di từ tiếng Việt, đồng thời đề xuất một số định hướng giảng dạy nhằm giúp người học sử dụng chính xác hai cấu trúc này trong các ngữ cảnh giao tiếp khác nhau.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Những tiêu chí phân biệt「ように」và「ために」

Thứ nhất, xét về tính ý chí của động từ,「ために」chủ yếu kết hợp với động từ ý chí, tức là những hành động mà chủ thể có thể chủ động thực hiện theo mong muốn của mình. Ngược lại,「ように」thường đi với động từ vô ý chí, động từ chỉ khả năng hoặc những trạng thái mà chủ thể không thể hoàn toàn điều khiển.

Thứ hai, xét về quan hệ chủ ngữ,「ために」thường được sử dụng khi chủ ngữ của mệnh đề chính và mệnh đề phụ là cùng một đối tượng. Trong khi đó,「ように」vẫn có thể được sử dụng ngay cả khi hai mệnh đề có chủ ngữ khác nhau.

Thứ ba, xét về khả năng kiểm soát hành động,「ために」biểu thị mục tiêu mà chủ thể có thể đạt được thông qua hành động có chủ đích. Ngược lại,「ように」được sử dụng khi kết quả phụ thuộc vào nhiều yếu tố ngoài ý chí trực tiếp của người thực hiện.

Thứ tư, xét về bản chất của mục tiêu,「ために」nhấn mạnh hành động hướng tới mục đích, còn「ように」nhấn mạnh trạng thái hoặc kết quả mong muốn đạt được.

Từ các tiêu chí trên, có thể khái quát sự khác biệt giữa hai cấu trúc như sau.

Bảng 1. Phân biệt 2 cấu trúc「ように」và「ために」

Tiêu chí	「ように」	「ために」
Loại động từ	Động từ vô ý chí, động từ khả năng	Động từ có ý chí
Chủ ngữ	Có thể khác nhau	Thường giống nhau
Khả năng kiểm soát	Thấp	Cao
Trọng tâm	Trạng thái, kết quả	Hành động, mục đích

Những tiêu chí này cũng chính là cơ sở để phân tích các lỗi sử dụng của người học trong phần kết quả nghiên cứu.

2.2. Những lỗi sai của người Việt Nam học tiếng Nhật khi sử dụng cấu trúc「ように」và「ために」để thể hiện ý nghĩa mục đích

2.2.1. Nhầm lẫn giữa động từ ý chí và động từ vô ý chí

Đây là nhóm lỗi xuất hiện với tần suất cao nhất trong cả bài kiểm tra và bài viết.

Một ví dụ điển hình là câu:

日本語が上手になるために、毎日勉強しています。→ Sai

日本語が上手になるように、毎日勉強しています。→ Đúng

(Để giỏi tiếng Nhật, tôi học tiếng Nhật hàng ngày)

Mặc dù nhiều người học lựa chọn「ために」do cho rằng việc học mỗi ngày là hành động có chủ đích, đáp án phù hợp là「ように」vì mục đích hướng tới là trạng thái "trở nên giỏi tiếng Nhật", tức kết quả không thể được kiểm soát hoàn toàn chỉ bằng ý chí của người học.

Trong các bài viết, lỗi tương tự cũng xuất hiện khá phổ biến:

もっと上手に歌えるために、毎日練習しています。→ Sai

もっと上手に歌えるように、毎日練習しています。→ Đúng

(Để hát hay hơn, tôi luyện tập mỗi ngày)

Trong trường hợp này, người học tập trung vào hành động "luyện tập" mà chưa nhận thức được rằng động từ「歌える」là động từ chỉ khả năng. Theo quy tắc ngữ pháp tiếng Nhật, cấu trúc phù hợp là「ように」.

Hiện tượng này cho thấy nhiều người học có xu hướng căn cứ vào hành động ở mệnh đề chính để lựa chọn cấu trúc mà chưa xem xét đặc điểm ngữ pháp của động từ ở mệnh đề chỉ mục đích.

2.2.2. Chưa phân biệt quan hệ chủ ngữ giữa mệnh đề chính và mệnh đề phụ

Bên cạnh việc nhầm lẫn về tính ý chí của động từ, một dạng lỗi thường gặp khác là người học chưa chú ý đến mối quan hệ chủ ngữ giữa mệnh đề chính và mệnh đề phụ khi lựa chọn「ように」hoặc「ために」. Trong nhiều trường hợp, người học chỉ dựa vào ý nghĩa khái quát của câu hoặc dịch trực tiếp từ tiếng Việt mà bỏ qua tiêu chí đồng nhất hay khác biệt về chủ ngữ.

Ví dụ điển hình trong bài kiểm tra là câu:

子どもがたくさん野菜を食べるために、母親はいろいろな料理を作っています。→ Sai

子どもがたくさん野菜を食べるように、母親はいろいろな料理を作っています。→ Đúng

(Để con mình ăn nhiều rau xanh, người mẹ đã nấu đa dạng các món ăn)

Ở câu này, chủ ngữ của mệnh đề phụ là「子ども」(con), trong khi chủ ngữ của mệnh đề chính là「母親」(mẹ). Do hai mệnh đề có chủ ngữ khác nhau nên cấu trúc phù hợp là「ように」. Tuy nhiên, nhiều người học vẫn lựa chọn「ために」vì cho rằng hành động "nấu đa dạng các món ăn" được thực hiện với một mục đích rõ ràng. Điều này cho thấy người học tập trung vào ý nghĩa "mục đích" của hành động mà chưa xem xét quan hệ ngữ pháp giữa hai mệnh đề.

Kết quả này phản ánh rằng nhiều người học chưa hình thành thói quen xác định chủ ngữ của từng mệnh đề trước khi lựa chọn cấu trúc ngữ pháp. Thực tế, trong tiếng Việt, quan hệ chủ ngữ thường không ảnh hưởng đến việc sử dụng từ "để", vì vậy người học ít chú ý đến tiêu chí này khi diễn đạt mục đích. Đây là biểu hiện điển hình của hiện tượng chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ sang tiếng Nhật. Khi chủ ngữ của hai mệnh đề không trùng nhau,「ように」thường được sử dụng để biểu thị mong muốn hoặc kỳ vọng đối với hành động của một chủ thể khác. Vì vậy, nếu người học chỉ dựa vào ý nghĩa của từ "để" mà không phân tích quan hệ chủ ngữ, khả năng lựa chọn sai cấu trúc sẽ tăng lên.

Kết quả phân tích cho thấy việc hướng dẫn người học xác định chủ ngữ của từng mệnh đề trước khi quyết định sử dụng「ように」hay「ために」là cần thiết. Trong giảng dạy, giáo viên có thể yêu cầu người học trả lời lần lượt hai câu hỏi: "Ai thực hiện hành động ở mệnh đề chính?" và "Ai thực hiện hành động ở mệnh đề chỉ mục đích?". Việc hình thành quy trình phân tích này sẽ giúp người học giảm đáng kể các lỗi liên quan đến quan hệ chủ ngữ.

2.2.3. Chưa nhận thức đúng về khả năng kiểm soát hành động và kết quả

Một dạng lỗi khác được ghi nhận trong cả bài kiểm tra và bài viết của người học là chưa phân biệt được mức độ kiểm soát của chủ thể đối với mục tiêu được biểu đạt. Nói cách khác, người học chưa nhận thức rõ khi nào mục tiêu có thể đạt được thông qua ý chí và hành động của chủ thể, và khi nào mục tiêu chỉ là trạng thái hoặc kết quả mong muốn chịu tác động của nhiều yếu tố khác nhau.

Ví dụ, trong bài kiểm tra có câu:

風邪が治るために、薬を飲みました。→ Sai

風邪が治るように、薬を飲みました。→ Đúng

(Tôi đã uống thuốc để khỏi ốm)

Không ít người học lựa chọn「ために」vì cho rằng việc uống thuốc là một hành động có chủ đích. Tuy nhiên, mục tiêu được biểu đạt trong mệnh đề phụ là「風邪が治る」(khỏi bệnh), tức một trạng thái mà người học không thể hoàn toàn kiểm soát chỉ bằng ý chí. Do đó, cấu trúc phù hợp là「ように」.

Dạng lỗi này cho thấy người học có xu hướng đồng nhất "có hành động" với "có thể dùng「ために」". Tuy nhiên, trong tiếng Nhật, sự hiện diện của một hành động ở mệnh đề chính chưa đủ để quyết định việc sử dụng「ために」. Điều quan trọng là phải xem xét liệu kết quả ở mệnh đề chỉ mục đích có nằm trong phạm vi kiểm soát trực tiếp của chủ thể hay không. Nếu người học chỉ dựa vào ý nghĩa "để làm..." mà không phân tích đặc điểm của kết quả hướng tới, khả năng lựa chọn sai cấu trúc sẽ tăng lên.

Từ góc độ giảng dạy, giáo viên cần giúp người học phân biệt rõ "hành động" và "kết quả". Trước khi lựa chọn cấu trúc, người học nên tự đặt câu hỏi: "Kết quả này có thể được quyết định hoàn toàn bằng ý chí của mình hay không?". Nếu câu trả lời là không,「ように」thường là lựa chọn phù hợp hơn.

2.2.4. Ảnh hưởng của chuyển di từ tiếng mẹ đẻ

Qua phân tích dữ liệu, có thể nhận thấy nhiều lỗi sử dụng「ように」và「ために」không chỉ xuất phát từ việc chưa nắm vững quy tắc ngữ pháp tiếng Nhật mà còn chịu ảnh hưởng rõ rệt của hiện tượng chuyển di tiêu cực từ tiếng Việt. Đây được xem là nguyên nhân nền tảng chi phối nhiều dạng lỗi đã phân tích ở các mục trước.

Trong tiếng Việt, từ "để" được sử dụng phổ biến nhằm biểu thị mục đích mà không yêu cầu người nói phải phân biệt tính ý chí của động từ, quan hệ chủ ngữ hay khả năng kiểm soát kết quả. Vì vậy, các câu như:

Tôi học chăm chỉ để đỗ kỳ thi.

Mẹ nấu món ngon để con ăn nhiều hơn.

Tôi uống thuốc để khỏi bệnh.

đều sử dụng cùng một từ "để". Khi chuyển sang tiếng Nhật, người học thường có xu hướng tìm một cấu trúc duy nhất tương ứng với "để", thay vì phân tích điều kiện sử dụng của từng cấu trúc. Đây là biểu hiện điển hình của hiện tượng chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ.

Ảnh hưởng này còn được củng cố bởi thực tế rằng trong nhiều giáo trình và tài liệu học tiếng Nhật dành cho người Việt, cả「ように」và「ために」đều được dịch đơn giản là "để". Mặc dù cách dịch này giúp người học hiểu ý nghĩa khái quát của cấu trúc, nhưng lại chưa làm nổi bật những khác biệt về ngữ pháp và ngữ nghĩa giữa hai biểu thức. Hệ quả là người học dễ hình thành quan niệm rằng hai cấu trúc có thể thay thế cho nhau trong mọi trường hợp.

Điều đáng chú ý là nhiều lỗi trong bài viết không phải do người học không biết quy tắc, mà do họ lựa chọn cấu trúc theo thói quen tư duy của tiếng Việt. Điều này cho thấy việc ghi nhớ quy tắc ngữ pháp đơn thuần chưa đủ để giúp người học sử dụng chính xác hai cấu trúc trong giao tiếp. Người học cần được hình thành thói quen phân tích ngữ cảnh trước khi lựa chọn biểu thức phù hợp.

Từ kết quả nghiên cứu có thể thấy rằng hiện tượng chuyển di từ tiếng Việt không tồn tại độc lập mà tác động đồng thời đến các nhóm lỗi khác như nhầm lẫn về tính ý chí của động từ, quan hệ chủ ngữ và khả năng kiểm soát hành động. Do đó, trong giảng dạy tiếng Nhật cho người Việt Nam, cần tăng cường phương pháp đối chiếu giữa hai ngôn ngữ thay vì chỉ cung cấp bản dịch tương đương. Giáo viên nên hướng dẫn người học trả lời tuần tự các câu hỏi như: động từ trong mệnh đề chỉ mục đích có mang tính ý chí hay không, chủ ngữ của hai mệnh đề có giống nhau không và kết quả có nằm trong khả năng kiểm soát của chủ thể hay không. Việc hình thành quy trình phân tích này sẽ giúp người học lựa chọn「ように」và「ために」chính xác hơn trong các tình huống giao tiếp thực tế.

2.3. Một số đề xuất nhằm khắc phục lỗi sai khi sử dụng 2 cấu trúc「ように」và「ために」

Kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn lỗi sử dụng「ように」và「ために」của người học Việt Nam không chỉ xuất phát từ việc ghi nhớ chưa đầy đủ quy tắc ngữ pháp mà còn liên quan đến cách xử lý thông tin ngôn ngữ khi lựa chọn cấu trúc phù hợp trong từng ngữ cảnh. Vì vậy, việc giảng dạy hai cấu trúc này cần chuyển từ cách tiếp cận thiên về truyền đạt quy tắc sang hướng phát triển năng lực phân tích và ra quyết định ngữ pháp của người học.

2.3.1. Tăng cường giảng dạy theo phương pháp đối chiếu Việt – Nhật

Do cả「ように」và「ために」đều thường được dịch là "để", nhiều người học hình thành xu hướng quy đồng hai cấu trúc ngay từ giai đoạn đầu. Vì vậy, giáo viên không nên chỉ giới thiệu nghĩa tương đương trong tiếng Việt mà cần phân tích rõ sự khác biệt về điều kiện sử dụng giữa hai ngôn ngữ.

Trong quá trình giảng dạy, nên sử dụng các cặp câu tương đương giữa tiếng Việt và tiếng Nhật để người học nhận biết rằng một câu có chứa từ "để" trong tiếng Việt có thể được diễn đạt bằng「ように」hoặc「ために」tùy theo ngữ cảnh. Cách tiếp cận đối chiếu giúp người học nhận thức rõ giới hạn của phép dịch trực tiếp, từ đó hạn chế hiện tượng chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ.

2.3.2. Hướng dẫn người học phân tích ngữ cảnh trước khi lựa chọn cấu trúc

Giáo viên cần hình thành cho người học một quy trình phân tích trước khi quyết định sử dụng「ように」hay「ために」.

Quy trình này có thể được thực hiện thông qua ba câu hỏi:

1) Động từ trong mệnh đề chỉ mục đích là động từ ý chí hay động từ vô ý chí (hoặc động từ chỉ khả năng)?

2) Chủ ngữ của mệnh đề chính và mệnh đề phụ có giống nhau hay không?

3) Kết quả hướng tới có nằm trong khả năng kiểm soát trực tiếp của chủ thể hay không?

Việc trả lời lần lượt các câu hỏi trên sẽ giúp người học lựa chọn cấu trúc dựa trên cơ sở ngữ pháp thay vì dựa vào cảm tính hoặc bản dịch tiếng Việt.

2.3.3. Thiết kế bài tập theo nhóm lỗi

Thay vì sử dụng các bài tập tổng hợp ngay từ đầu, giáo viên nên xây dựng hệ thống bài tập tương ứng với từng nhóm lỗi được xác định trong nghiên cứu.

Đối với lỗi về tính ý chí của động từ, người học cần được luyện tập phân loại động từ thành động từ ý chí, động từ vô ý chí và động từ chỉ khả năng trước khi lựa chọn cấu trúc.

Đối với lỗi về quan hệ chủ ngữ, nên sử dụng các bài tập yêu cầu xác định chủ ngữ của từng mệnh đề và giải thích lý do lựa chọn「ように」hoặc「ために」.

Đối với lỗi về khả năng kiểm soát hành động, giáo viên có thể xây dựng các tình huống giao tiếp để người học đánh giá xem mục tiêu được biểu đạt có thể đạt được hoàn toàn bằng ý chí của chủ thể hay không.

Đối với lỗi do ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ, cần tăng cường các bài tập dịch Việt – Nhật kết hợp với hoạt động giải thích lý do lựa chọn cấu trúc thay vì chỉ yêu cầu dịch đúng.

2.3.4. Tăng cường hoạt động phát hiện và sửa lỗi

Giáo viên nên bổ sung các hoạt động phát hiện và sửa lỗi vào quá trình giảng dạy. Người học được yêu cầu nhận diện lỗi, giải thích nguyên nhân và sửa lại câu theo đúng quy tắc. Hoạt động này không chỉ giúp củng cố kiến thức ngữ pháp mà còn phát triển năng lực tự kiểm tra và điều chỉnh ngôn ngữ trong quá trình giao tiếp.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu khảo sát các lỗi thường gặp của người Việt khi sử dụng hai cấu trúc chỉ mục đích「ように」và「ために」trong tiếng Nhật. Kết quả cho thấy người học tuy nắm được ý nghĩa cơ bản nhưng vẫn gặp khó khăn khi vận dụng vào ngữ cảnh thực tế.

Phân tích lỗi xác định bốn nhóm lỗi chính: (1) nhầm lẫn giữa động từ ý chí và vô ý chí; (2) chưa phân biệt quan hệ chủ ngữ giữa hai mệnh đề; (3) chưa nhận thức đúng khả năng kiểm soát mục tiêu của chủ thể; và (4) ảnh hưởng của chuyển di từ tiếng Việt. Trong đó, chuyển di từ tiếng mẹ đẻ là nguyên nhân quan trọng làm gia tăng lỗi.

Nghiên cứu khẳng định việc phân biệt「ように」và「ために」cần dựa trên tính ý chí của động từ, quan hệ chủ ngữ và khả năng kiểm soát kết quả, thay vì chỉ dựa vào ý nghĩa chỉ mục đích. Đồng thời, nghiên cứu đề xuất khung phân loại bốn nhóm lỗi và quy trình phân tích hỗ trợ lựa chọn cấu trúc phù hợp, góp phần phục vụ thiết kế giáo trình và giảng dạy ngữ pháp tiếng Nhật theo hướng đối chiếu Việt – Nhật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

牧野成一, 筒井通雄 (1995), A Dictionary of Basic Japanese Grammar, The Japan Times, Tokyo.

日本国際交流基金 (2017), まるごと 日本のことばと文化 初級1 A2, 三修社, Tokyo.

Trần Trọng Kim (2015), Ngữ pháp tiếng Việt, NXB Giáo dục Việt Nam.

Lê Quang Thiêm (2008), Ngữ nghĩa học, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ellis, R. (1997), Second Language Acquisition, Oxford University Press, Oxford.

Odlin, T. (1989), Language Transfer: Cross-linguistic Influence in Language Learning, Cambridge University Press, Cambridge.